TÒA ÁN NH2 DÂN **HUYỆN UH-TP H1 NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2022
(V/v: Tranh chấp Hôn nH2 gia đình)

NH2 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH2 DÂN HUYỆN UH, TH1NH PHỐ H1 NỘI

- *TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng.

Các Hội thẩm nH2 dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nH2 dân huyện Ứng Hoà, tH1nh phố H1 Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nH2 dân huyện UH tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nH2 dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nH2 và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn*****:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1972; Nơi ĐKHKTT: thôn VN, xã VA, huyện UH, tH1nh phố H1 Nội.

/ Bị đơn**:** Anh Trần Văn H1, sinh năm 1968; Nơi ĐKHKTT: thôn VN, xã VA, huyện UH, tH1nh phố H1 Nội.

(Chị H và anh H1 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị H là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trần Văn H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VA năm 2020. Thực tế vợ chồng chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến năm 2020 anh chị mới đi đăng ký kết hôn và được UBND xã VA xác nhận quan hệ hôn nH2 giữa chị và anh H1 được xác lập vào ngày 05/3/1993. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH2 là do khác nhau về tư tưởng và cách sống, luôn xảy ra bất đồng trong mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Anh

H1 không đỡ đần, chia sẻ với chị về mọi công việc trong gia đình như chăm sóc, nuôi dậy con cái, đối nội, đối ngoại hai bên gia đình, đôi khi còn có những H1nh vi cản trở quá trình công tác của chị. Nhiều lần anh H1 còn bạo lực gia đình với chị ngay cả trước mặt các con chị. Do các con chị còn nhỏ, chị còn đang công tác là giáo viên mầm non nên chị cố gắng nhẫn nhịn. Nay các con chị đã khôn lớn, trưởng tH1nh, để đảm bảo an toàn cho tính mạng và tinh thần của chị nên chị đã sống ly tH2 với anh H1 từ tháng 7/2020 cho đến nay, chị bỏ về nH1 ở bố mẹ đẻ. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh H1 nữa, chị cũng không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh H1 để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: Trần Ngọc H2, sinh ngày 18/4/1996 và Trần Diệu H3, sinh ngày 30/3/2002; hiện nay, cả hai con chung đều đã khôn lớn, trưởng tH1nh và khỏe mạnh nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì chị nhận thấy anh H1 không có thiện chí lên tòa án làm việc nên chị đề nghị Tòa án không tiến H1nh hòa giải giữa chị với anh H1. Chị không còn giấy tờ, tài liệu nào để nộp bổ sung thêm cho Tòa án. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Chị xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Tòa án và cũng xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Trần Văn H1: không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương xã VA cung cấp: chị Vũ Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã VA ngày 16/12/2020 với anh Trần Văn H1. Chị H và anh H1 đều là người ở thôn VN, xã VA, huyện UH, tH1nh phố H1 Nội. Thực tế, chị H và anh H1 xác lập quan hệ hôn nH2 từ ngày 05/3/1993. Sau khi kết hôn, chị H chuyển về sinh sống tại nH1 anh H1. Chị H làm nghề giáo viên, anh H1 làm nghề lao động tự do. Quá trình chung sống chị H và anh H1 có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nH2 của mâu thuẫn cụ thể như nào chính quyền địa phương không biết, chỉ biết chị H bỏ đi khỏi nH1 anh H1, không chung sống cùng với anh H1 khoảng 01 năm nay, chị H hiện đang ở nH1 mẹ đẻ chị H. Chị H và anh H1 có 02 con chung: Trần Ngọc H2, sinh ngày 18/4/1996 và Trần Diệu H3, sinh ngày 30/3/2002. Hiện nay, cháu H2 và cháu H3 đều đã khôn lớn, trưởng tH1nh và khỏe mạnh. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh H1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các công dân.

Anh Trần Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn VN, xã VA, huyện UH, tH1nh phố H1 Nội. Anh H1 làm nghề lao động tự do, hiện tại không có mặt ở nH1, chính quyền địa phương cũng không biết rõ thời điểm trở về của anh H1 là khi

nào, cũng không biết nơi làm việc hay nơi cư trú khác của anh H1 nên việc tống đạt trực tiếp các Văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H1 là không thực hiện được.

Tại phiên tòa, chị H, anh H1 đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nH2 dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến H1nh hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến H1nh xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1; chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nH2 và gia đình, Tòa án nH2 dân huyện UH tiến H1nh thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập anh H1 đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nH2: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VA là hôn nH2 hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH2 theo chị H trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, anh H1 không đỡ đần chị mọi việc trong gia đình. Hai vợ chồng đã có thời gian dài sống ly tH2, chị H cương quyết xin được ly hôn với anh H1. Phía anh H1 trong suốt quá trình hòa giải và phiên tòa anh H1 không đến Tòa để thể hiện nguyện vọng không có lý do chính đáng.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H1 với chị H là căng thẳng, có thời gian sống ly tH2 dài, hôn nH2 giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH2 không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nH2 và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H1 và chị H có 02 con chung là Trần Ngọc H2, sinh ngày 18/4/1996 và Trần Diệu H3, sinh ngày 30/3/2002. Hiện nay, cả hai con chung

đều đã khôn lớn, trưởng tH1nh và khỏe mạnh, chị H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị H không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị H phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nH2 và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nH2: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn H1 có 02 con chung là: Trần Ngọc H2, sinh ngày 18/4/1996 và Trần Diệu H3, sinh ngày 30/3/2002. Hiện, nay cả hai con chung đều đã khôn lớn, trưởng tH1nh và khỏe mạnh.

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: chị Vũ Thị H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057573 ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi H1nh án Dân sự huyện UH, tH1nh phố H1 Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục THADS huyện□ng Hoà;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Bích Hằng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**